

Bản án số: 310/2022/HC-PT

Ngày: 29/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Bà Lê Thị M1.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 426/2021/TLPT-HC ngày 16 tháng 10 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6371/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa:

*** *Người khởi kiện:*** Bà Dương Thị H1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ 5, phường Q, thành phố P, tỉnh H; Địa chỉ liên hệ: Số 719, T, phường V, quận L, thành phố H2.

*** *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung D – Phó Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh H; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã L1, thành phố P, tỉnh H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K – Phó Chủ tịch UBND xã L1, thành phố P, tỉnh H; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1958; nơi cư trú: Xóm 4, xã L1, thành phố P, tỉnh H;
- Ông Dương Văn T1, sinh năm 1961; nơi cư trú: Xóm 4, xã L1, thành phố P, tỉnh H;
- Ông Dương Văn T2, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm 4, xã L1, thành phố P, tỉnh H;
- Bà Dương Thị S, sinh năm 1972; nơi cư trú: M, phường L2, thành phố P, tỉnh H;
- Bà Dương Thị P1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn S1, xã P2, huyện L3, tỉnh H3;
- Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 4, xã L1, thành phố P, tỉnh H;
- Chị Dương Thị M1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 4, xã L1, thành phố P, tỉnh H;
- Chị Dương Thị T3; nơi cư trú: Xóm 4, xã L1, thành phố P, tỉnh H;
- Chị Dương Thị D1; nơi cư trú: Xóm 4, xã L1, thành phố P, tỉnh H.

Tại phiên tòa, có mặt người khởi kiện là bà Dương Thị H1 còn các đương sự khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai của người khởi kiện, người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Cụ Dương Văn T4 và cụ Phạm Thị T5 sinh được 6 người con gồm: ông Dương Văn T6 (đã chết, có vợ bà Đỗ Thị C và các con là anh Dương Văn Đ, chị Dương Thị M1, chị Dương Thị T3, chị Dương Thị D1); ông Dương Văn T1; ông Dương Văn T2; bà Dương Thị S; bà Dương Thị P1 và bà Dương Thị H1. Khi còn sống hai cụ quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư tại thửa 34 tờ bản đồ số 2 diện tích 1.410m² tại thôn 4, xã L1, thành phố P, tỉnh H (gồm: đất ở 720m²; đất vườn 520m²; đất ao 170m²; nguồn gốc đất do ông cha để lại từ trước năm 1986). Quá trình sử dụng đất ông T4, bà T5 đã tách thửa chia hết cho các con. Còn lại diện tích 175m² tại thửa số 121, tờ bản đồ PL01 đứng tên cụ Phạm Thị T5. Cụ Dương Văn T4 chết năm 1994, Cụ Phạm Thị T5 chết năm 2010 không để lại di chúc. Theo biên bản họp gia đình ngày 03/7/2017, thì tất cả các anh, chị ruột đều thống nhất cho chị Dương Thị H1 toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 121 nêu trên.

Ngày 27/3/2019, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 212/TB-UBND thu hồi của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) 175m² đất tại thửa số 121, tờ bản đồ PL01 để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn xã L1, thành phố P (vị trí 1). Ngày 16/5/2019, Ban quản lý dự án

thành phố P có Thông báo số 49/TB-UBND công khai phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của hộ dân. Cùng ngày 27/11/2019, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5741/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) để thực hiện công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn thôn 4, xã L1, thành phố P (vị trí 1) và Quyết định 5742/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5).

Ngày 06/11/2020, bà Dương Thị H1 khởi kiện vụ án hành chính đề nghị TAND tỉnh H giải quyết: Hủy Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) để thực hiện công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thôn 4, xã L1, thành phố P (vị trí 1); công nhận thửa đất số 121, tờ bản đồ PL01 với diện tích đất 175m² tại xã L1, thành phố P, tỉnh H là loại đất ở nông thôn (ONT).

Phía người bị kiện UBND thành phố P trình bày: Năm 1993, thực hiện Quyết định 115 của UBND tỉnh H4, hộ bà T5 được giao ghép 0,3 sào tương đương 108m² đất nông nghiệp về vị trí ao giáp T7 (nay là thửa đất số 121 tờ bản đồ PL01). Năm 2000, thực hiện Chỉ thị 15 về việc dồn ô, đổi thửa, hộ bà T5 được giao ghép thêm 67m² đất theo tiêu chuẩn ngoài đồng về vị trí ao giáp T7; tổng là 175m² (nay là thửa đất số 121 tờ bản đồ PL01). Như vậy 175m² đất tại thửa số 121 tờ bản đồ PL01 là đất nông nghiệp được giao chia theo tiêu chuẩn hộ gia đình chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Quyết định 5741/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) là đúng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị C, ông Dương Văn T1, ông Dương Văn T2, bà Dương Thị S, bà Dương Thị P1 đều có quan điểm nhất trí quan điểm khởi kiện của bà Dương Thị H1. Riêng anh Dương Văn Đ, chị Dương Thị M1, chị Dương Thị T3, chị Dương Thị D1 không có ý kiến gì.

Quan điểm của UBND xã L1 trình bày: Nguồn gốc đất tại thửa số 121 tờ bản đồ PL01 có 175m² là đất nông nghiệp được giao chia theo tiêu chuẩn của hộ gia đình bà T5 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu công nhận là đất ở là không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 16, Điều 58, Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết: Hủy Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND thành phố P, tỉnh H về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn thôn 4, xã L1, thành phố P (vị trí 1). Công nhận thửa số 121, tờ bản đồ PL01 diện tích 175m² tại xã L1, thành phố P, tỉnh H là loại đất ONT (đất ở nông thôn).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/8/2021, người khởi kiện là bà Dương Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bà Dương Thị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lập luận cho rằng: bà có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản đồ năm 2004 thể hiện thửa đất số 121 là đất ở nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 27/11/2019, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5741/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) để thực hiện công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thôn 4, xã L1, thành phố P (vị trí 1). Ngày 06/11/2020, bà Dương Thị H1 khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 và khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 5741/QĐ-UBND của UBND thành phố P:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5741/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị H1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 62, 63, 66, 69, 70, 71 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1]. Căn cứ sổ giải thửa năm 1993, hộ gia đình bà T5 được giao ghép 0,3 sào đất nông nghiệp tương đương $108m^2$ về vị trí ao giáp T7 và sổ giải thửa năm 2001, hộ gia đình bà T5 được ghép thêm $67m^2$ đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn ngoài đồng về vị trí ao giáp T7, hiện nay thành thửa số 121 tờ bản đồ PL01 có tổng diện tích là $175m^2$ (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Căn cứ biên bản ngày 18/7/2019, về việc xác định nguồn gốc đất của hộ gia đình bà Phạm Thị T5 là đất nông nghiệp và gia đình bà trực tiếp sản xuất từ đó đến nay không tranh chấp với ai. Căn cứ Văn bản số 39 ngày 22/7/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P cung cấp theo bản đồ địa chính xã L1 tỷ lệ 1/1000, lập năm 2001: Thửa số 121 tờ bản đồ PL01 có tổng diện tích là $175m^2$ là đất NTS (đất nuôi trồng thủy sản). Bà H1 khởi kiện cho rằng diện tích đất bị thu hồi là đất ở và xuất trình bản photo bản đồ năm 2004 thể hiện thửa đất số 121 là đất ở. Xét thấy bản đồ do người khởi kiện xuất trình không có chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không phù hợp với sổ giải thửa, bản đồ địa chính năm 2001, bà H1 cũng chưa làm các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất do đó không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2]. Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 26/9/2019 của HĐND tỉnh H về bổ sung, điều chỉnh các dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10ha đất trồng lúa năm 2019 trên địa bàn tỉnh H; trong đó có công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã L1, thành phố P (Vị trí 1 + vị trí 2); căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất địa bàn thành phố P năm 2019; Thông báo số 14/TB-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh H về địa điểm xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất thuộc địa bàn xã L1, thành phố P; Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh H phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ để thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp 6 tháng cuối năm 2019 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện trạng kề cận tại địa bàn xã L1; Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Ngày 27/3/2019, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 212/TB-UBND thu hồi của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) $175m^2$ đất nông nghiệp tại thửa số 121, tờ bản đồ PL01 để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn xã L1, thành phố P (vị trí 1). Cùng ngày 27/11/2019, UBND thành phố P ban hành Quyết

định số 5741/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) để thực hiện công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn thôn 4, xã L1, thành phố P (vị trí 1) và Quyết định số 5742/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5).

Sau khi ban hành thông báo thu hồi đất đã thực hiện niêm yết công khai; ban hành quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB; ban hành kế hoạch để thực hiện GPMB; thực hiện kiểm kê đất đai, tài sản trên đất của hộ bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5); tổ chức công khai biên bản kiểm kê; tổ chức hội nghị xét duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp. Sau khi thực hiện các quy trình trên, Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành quyết định thu hồi đất và công khai quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường, giao trực tiếp cho bà H1 và niêm yết tại nhà văn hóa theo đúng quy định tại Điều 16, Điều 58, Điều 62, Điều 66, Điều 67; Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định thu hồi đất có ghi tên bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) là do bà H1 xuất trình Biên bản họp gia đình gồm tất cả anh chị em ruột thống nhất giao toàn quyền sử dụng thửa đất cho bà Dương Thị H1 (có xác nhận của chính quyền địa phương). Như vậy, UBND thành phố ban hành quyết định thu hồi đất có tên hộ gia đình bà Dương Thị H1 (Phạm Thị T5) là có cơ sở, phù hợp nguyện vọng của gia đình.

[2.2.3]. Về phương án bồi thường: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H1 không đề nghị xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, sau khi tiến hành thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh H xác định trên đất bị thu hồi còn tài sản là kê đá xung quanh thửa đất chưa được xem xét, giải quyết về bồi thường hỗ trợ. Nên Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu UBND thành phố tiếp tục xem xét tài sản trên đất bị thu hồi cho gia đình bà H1 phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người dân.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất số 5741/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 là đảm bảo về hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung theo đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H1 là có cơ sở, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bà Dương Thị H1.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị H1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Dương Thị H1; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Về án phí: Bà Dương Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005764 ngày 30/08/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà